

# TỨ PHÁP VỚI TỤC CẦU ĐẢO CỦA CƯ DÂN NÔNG NGHIỆP QUA TƯ LIỆU SỬ

Nguyễn Thị Anh  
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

**Tóm tắt:** Cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) Tứ Pháp là một nghi lễ mang tính tâm linh an dân trong quá trình trị nước của các triều đại quân chủ. Cơ sở của việc thực hiện nghi lễ cầu đảo xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, từ mô hình tiểu nông, phụ quyền, từ tư tưởng “Thiên nhân hợp nhất” của Đạo giáo và đặc biệt là sự du nhập của Phật giáo. Các bộ sử lớn của Việt Nam như Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Việt sử lược, ... có những ghi chép rất rõ ràng về việc nhà Lý, nhà Lê đã từng rước phật Pháp Vân về Kinh đô để cầu đảo. Thông qua các ghi chép ấy, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê để tìm hiểu rõ về thời gian, địa điểm, cách thức, hiệu quả của việc cầu đảo Tứ Pháp. Từ đó khẳng định tục thờ Tứ Pháp là có cơ sở, có bề dày lịch sử, góp phần vào việc công nhận xếp loại các di tích liên quan đến tín ngưỡng Tứ Pháp ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cầu đảo, chùa Báo Thiên, Man Nương, Pháp Vân, Tứ Pháp.

Nhận bài ngày 24.05.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Anh ; email: nguyennhnt.hannom@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín ngưỡng Tứ Pháp là một tín ngưỡng thờ thần dân gian lâu đời và độc đáo của người Việt, đặc biệt phổ biến ở vùng Đồng bằng Bắc bộ. Đây là sự hòa quyện giữa tín ngưỡng thờ các vị thần tự nhiên bản địa và Phật giáo du nhập từ Ấn Độ. Các vị thần Tứ Pháp bao gồm Pháp Vân (thần Mây), Pháp Vũ (thần Mưa), Pháp Lô (thần Sấm), Pháp Điện (thần Chớp). Bốn vị thần này đều là nữ và được gọi là Phật vì có khả năng điều khiển các hiện tượng tự nhiên đặc biệt là mưa. Liên quan đến bốn vị thần này các bộ sử lớn Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư), Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Cương mục) đều chép: dưới thời vua Lý Nhân Tông (1073-1127), Phật Pháp Vân đã từng được rước về Kinh đô Thăng Long để làm lễ cầu tạnh. Ghi chép này cho thấy Tứ Pháp gắn chặt với tục cầu đảo của cư dân nông nghiệp từ rất sớm. Sang đến thế kỉ thứ XV, Phật Pháp Vân vẫn được vua Lê Thái Tông (1434-1442) rước về kinh để cầu mưa. Trong bài viết này chúng tôi tập trung nghiên cứu về tín ngưỡng Tứ Pháp thông qua các bộ sử lớn của Việt Nam. Bằng phương pháp thống kê, liệt kê, phân tích tư liệu trong các bộ sử chính thống, chúng tôi lập bảng khảo sát để thấy rõ quá trình phát sinh, diễn biến, hiệu quả của nghi lễ cầu đảo Tứ Pháp. Từ đó khẳng định việc cầu đảo Tứ Pháp (cầu mưa, cầu tạnh) là việc quốc gia và diễn ra thường xuyên trong chế độ quân chủ. Nghiên cứu cũng góp phần khẳng định các lễ hội liên quan đến Tứ Pháp là có cơ sở, có lịch sử và cũng là căn cứ xếp hạng các di tích liên quan đến Tứ Pháp.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Cơ sở của việc cầu đảo tứ pháp

Việt Nam là một nước nông nghiệp trồng lúa nước. Việc trồng lúa, ngoài hệ thống sông ngòi tự nhiên thì phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết. Nói về kinh nghiệm trồng lúa, ông cha ta có câu: “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Trong bốn yếu tố “cần” cho nông nghiệp, nước vẫn phải là hàng đầu. Trong câu ca dao quen thuộc, người nông dân luôn đau đầu trông chờ nhìn ngó thời tiết rồi mới yên tâm cày cấy:

“Người ta đi cấy lấy công  
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông đất, trông mây  
 Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm  
 Trông cho chân cứng đá mềm  
 Trời yên biển lặng mới yên tâm lòng”

Từ việc quan sát lúc trời mưa, bầu trời thường xuất hiện bốn hiện tượng thiên nhiên: mây, mưa, sấm, chớp thì người ta tin rằng, mỗi hiện tượng thiên nhiên ấy là do một vị thần cai quản, làm phép mà có: mây là do thần Pháp Vân, mưa là do thần Pháp Vũ, sấm là do thần Pháp Lôi, chớp là do thần Pháp Điện.

Miền Bắc nước ta thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, phù hợp với trồng lúa nước. Người nông dân dựa vào quy luật mưa, nắng của thời tiết mà gieo trồng sao cho thích hợp với tự nhiên. Việc tận dụng các yếu tố thời tiết trong gieo trồng cũng là một kỹ năng trong sản xuất nông nghiệp. Nhưng thời tiết vẫn luôn tiềm ẩn yếu tố bất thường, không phải lúc nào cũng tuân theo quy luật bình thường như nắng gắt quá, mưa to quá hoặc nắng mưa trái vụ làm mất mùa. Trước sự thất thường của thời tiết, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, trong điều kiện khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức của con người về thế giới tự nhiên còn hạn chế, người xưa không có lời giải thỏa đáng dẫn đến tâm lý sợ hãi. Từ tâm lý sợ hãi dẫn đến sùng bái các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp. Và kết quả họ coi những hiện tượng này là do các vị thần linh chủ quản mưa nắng tạo nên. Vì vậy, trước khi các tôn giáo trong đó có Phật giáo du nhập vào Việt Nam, người Việt cổ đã tưởng tượng các thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp mà người ta hay gọi là “ông giời”, “ông trời”. Tuy nhiên, thông tin về các thần linh ấy chỉ là những chi tiết tản mạn để phỏng đoán về một loại hình tín ngưỡng dân gian trước khi Phật giáo phát triển ở Việt Nam. Thông qua các vị thần linh nông nghiệp và những ghi chép tản mạn này chúng ta biết rằng, trước khi chịu ảnh hưởng của các tôn giáo trong đó có Phật giáo, người Việt đã tồn tại một hệ thống tín ngưỡng dân gian mang đậm bản sắc của riêng mình.

Phật giáo du nhập vào nước ta khá sớm từ thế kỉ thứ I, bằng con đường hòa bình. Phật giáo mang theo tư tưởng từ bi, hỉ xả, cứu độ chúng sinh. Tư tưởng này khá tương đồng với tư tưởng “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân” của người Việt. Vì thế Phật giáo nhanh chóng được tiếp nhận và hòa nhập cùng với tín ngưỡng dân gian của người Việt. Sự thích nghi này chính là cơ sở cho sự ra đời của Phật giáo Tứ Pháp - một hình thức Phật giáo dân gian của người Việt. Sự dung hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian là tiền đề để cho những thần linh nông nghiệp bản địa nương theo hào quang của Phật pháp, nâng quyền năng linh thiêng của mình lên một tầm cao hơn. Và hình ảnh Man Nương trong truyền thuyết Phật mẫu Man Nương là hiện thân của sự hòa nhập ấy.

Truyện Man Nương là tác phẩm văn học được xây dựng từ văn học dân gian truyền khẩu kể về Man Nương hay chính là kể về sự tích hình thành Tứ Pháp. Các văn bản cổ ghi lại truyện Man Nương như: "Man Nương truyện" trong *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, Ván khắc *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (Hán văn kèm diễn Nôm) viết tắt là "Cổ Châu lục" được xem là bản sớm nhất ghi nhận về cội rễ hình thành hệ Tứ Pháp còn lưu truyền cho đến ngày nay. Ván khắc này có niên hiệu vào năm Cảnh Hưng năm thứ 13 (1752) hiện nay còn lưu trữ tại chùa Dâu. Nội dung văn bản này được xác định là có trước đó vì mô tả hội Dâu dưới thời Hồng Đức và gọi Trung Quốc là Đại Minh. Vì vậy văn bản có lẽ được soạn trong khoảng 1470 – 1644, Ván khắc *Cổ Châu Phật bản hạnh* (văn vần lục bát chữ Nôm) viết tắt là *Cổ Châu hạnh*, khắc vào niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 13 (1752), nội dung tương tự *Cổ Châu lục*. Ngoài ra "Truyện Man Nương" còn có trong bài thơ trường thiên *Pháp Vân cô tự bi ký* của Lý Tử Tấn được chép lại trong *Toàn Việt thi lục* và *Kiến văn tiểu lục*, đều do Lê Quý Đôn biên soạn. Dù có khác biệt về tiểu tiết, tên gọi nhưng nội dung chính của "Truyện Man Nương" tương đối giống nhau đều mang cùng một ý nghĩa nhằm giải thích nguồn gốc ra đời của hệ thống tín ngưỡng thờ Tứ Pháp mang đậm tính thần thoại ở nước ta, thể hiện rõ sự hòa trộn giữa tín ngưỡng dân gian với yếu tố Phật giáo và có thể được tóm tắt như sau: Truyền thuyết kể rằng thuở xưa Man Nương là một người con gái rất sùng đạo. Năm 10 tuổi đến theo học đạo ở chùa Linh Quang, nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tại chùa có thiền sư Khâu Đà La là một vị cao tăng đầu tiên sang Việt Nam truyền đạo tại đây. Một hôm, Thiền sư đi

vắng và dặn Man Nương trông coi chùa cẩn thận. Tối đến Man Nương ngủ ở thềm, Khâu Đà La về và bước qua người, sau đó bà thụ thai. Cha mẹ Man Nương trách cứ thì Khâu Đà La dặn rằng đó là con Phật, không phải lo phiền. Hai mươi tháng sau, Man Nương sinh hạ một người con gái vào ngày 8 tháng tư (âm lịch), đem đến chùa trả lại Thiên sư. Thiên sư dùng cây tầm xích (gậy tích trượng) gõ vào cây dung thụ (dâu) ở cạnh chùa. Cây dâu tách ra, Thiên sư để đứa trẻ vào trong, cây lại khép vào. Khâu Đà La trao cho Man Nương cây gậy và dặn khi nào hạn hán thì đem gậy cắm xuống đất để cứu nhân dân. Khi vùng Dâu bị hạn hán ba năm liền, nhớ đến lời dặn của Thiên sư, Man Nương đã đem cây gậy thân cắm xuống đất. Ngay lập tức nước phun lên, cây cối, ruộng đồng lại tươi tốt và chúng sinh thoát nạn hạn hán. Tiếp đó có trận mưa to, cây dâu bị gió bão quật đổ xuống sông Thiên Đức (sông Dâu) rồi trôi về Luy Lâu. Khi đó, Thái thú Sĩ Nhiếp cho quân lính vớt lên để làm nóc điện Kính Thiên, nhưng không ai lay chuyển nổi. Man Nương đi qua liền xuống sông, buộc dải yếm vào kéo cây lên dễ dàng. Sĩ Nhiếp thấy thế kính sợ, tuyên mười người họ Đào tạc tượng Tứ pháp là Pháp Vân - Pháp Vũ - Pháp Lô - Pháp Điện tượng trưng cho Mây, Mưa, Sấm, Chớp để thờ. Bốn bức tượng Phật đó được đặt ở bốn ngôi chùa khác nhau ở trên cùng một khu vực là Chùa Dâu, Chùa Đậu, Chùa Dàn, Chùa Tướng. Khi thợ tạc tượng thấy trong thân cây một khối đá bèn vớt xuống sông. Đến đêm thấy lòng sông rực sáng, Sĩ Nhiếp cho người vớt nhưng không tài nào vớt được. Man Nương liền đi thuyền ra giữa sông thì khối đá tự nhiên nhảy vào lòng. Khối đá ấy gọi là Thạch Quang Phật (Phật đá tỏa sáng).

Như vậy, Man Nương là người đã cứu giúp dân làng trong lúc hạn hán, bà còn có thể điều khiển các hiện tượng tự nhiên mà tượng trưng chính là hệ thống các vị thần Tứ Pháp. Bà được coi là Phật Mẫu khi có lòng yêu thương, bao dung cứu vớt dân làng trước các hiện tượng thiên nhiên hà khắc. Tác phẩm đã phản ánh sự gặp gỡ và kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu và đạo Phật. Nhờ sự tiếp nhận Phật giáo, bốn vị thần nông nghiệp Bà Dâu, Bà Đậu, bà Tướng, bà Dàn đã trở thành những vị Phật bà – Tứ pháp: Pháp Vân (thần Mây), Pháp Vũ (thần Mưa), Pháp Lô (thần Sấm), Pháp Điện (thần Sét) mang ý nghĩa cầu mong cho mưa thuận gió hòa, sinh sôi nảy nở.

Bên cạnh cơ sở trên, câu đố Tứ Pháp còn xuất phát từ quan niệm tam tài đó là thiên, địa, nhân. Con người ở giữa thiên và địa. Ba yếu tố này có liên hệ mật thiết với nhau. Song song với thuyết tam tài là thuyết thiên nhân hợp nhất trong tư tưởng Nho gia. Thuyết này khẳng định giữa con người và thiên nhiên tồn tại độc lập nhưng có sự thống nhất với nhau. Chỉ khi nào mối quan hệ này hài hòa thì thiên nhiên mới mưa thuận gió hòa, cuộc sống con người mới thuận lợi. Các vị vua khi đó là những người theo học Nho gia nên thấm nhuần tư tưởng này. Gặp những năm mưa thuận, gió hòa thì họ cho rằng trời ban phúc lành. Năm nào thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, nhà vua cho rằng họ đã phạm lỗi hoặc đức của mình chưa đủ mà trời trừng phạt. Những năm ấy nhà vua thường xuống chiếu răn mình đồng thời tiến hành cúng cầu đảo nhằm an dân. Điều này đều được chính sử ghi lại.

Có thể nói tín ngưỡng dân gian thờ Tứ Pháp là sản phẩm văn hóa của người Việt trong mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội. Chính phương thức sản xuất nông nghiệp lúa nước và kết cấu gia đình tiểu nông phụ quyền đã làm nên tín ngưỡng dân gian nói chung và tín ngưỡng thờ mẫu nói riêng. Ngoài tín ngưỡng dân gian, Việt Nam là một đất nước đa tôn giáo. Các tôn giáo du nhập vào như Phật Giáo, Nho giáo, tín ngưỡng Phồn thực, Kito giáo... du nhập vào Việt Nam khá sớm. Các tôn giáo này không đứng ngoài, độc lập mà tín ngưỡng dân gian đã thu nhận chọn lọc để tạo ra một sản phẩm tinh thần mang bản sắc của người Việt.

## 2.2. Tín ngưỡng Tứ Pháp với tục cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) của cư dân Việt cổ

Bằng phương pháp khảo sát, liệt kê, thông kê các bộ sử lớn là *bộ Toàn thư*, tập I, tập II, Nxb. Khoa học xã hội năm 1993; *Việt sử lược*, Nxb Văn Sử Địa, năm 1960; *Cương mục*, tập I, tập II, Nxb Giáo Dục, năm 1998; chúng tôi tìm được một số thông tin về việc cúng cầu đảo Tứ pháp. Các lần cầu đảo Tứ Pháp chủ yếu diễn ra vào thời Lý. Thời Trần ngoài năm 1356 ghi lại sự kiện lập đàn chay cầu đảo cho Thượng hoàng “Hiển Từ Thái hậu thiết pháp lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng Hoàng”<sup>1</sup> ra thì không thấy ghi chép về cầu đảo

<sup>1</sup> Toàn thư, Q.I, tr.739

Tứ Pháp. Thời Lê triều đình nhiều lần cúng cầu đảo nói chung và cúng cầu mưa nói riêng nhưng chỉ vào năm 1434 là cầu mưa liên quan tới Tứ Pháp. Những năm sau đó, thời Lê cũng như các triều đại khác tiếp nối, vì phong tục tập quán, tín ngưỡng, không chỉ thờ Phật mà còn thờ đa thần. Và cũng vì tính chất tóm lược của sử không ghi rõ cầu đảo thần, phật nào nên khó xác định được đối tượng nên chúng tôi không thể khảo sát được những lần cầu mưa cầu tạnh liên quan tới Tứ Pháp.

Dựa vào các bộ sử lớn *Toàn Thư*, *Việt sử lược*, *Cương mục*, đời Lý, đời Lê, chúng tôi thống kê những lần cầu đảo Tứ Pháp như sau:

*Bảng 1: Số lần cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh)*

STT	Triều vua	Thời gian	Địa điểm	Lý do	Kết quả	Nguồn
1	Lý Nhân Tông (1073-1127)	1073		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.277; <i>Cương mục</i> , I, tr.327
2		6/ 1117	Hành cung Ứng Phong	Cầu mưa		<i>Cương mục</i> , I, tr.351
3		5/1118		Cầu mưa	Mưa	<i>Toàn thư</i> , I, tr.289, <i>Cương mục</i> , I, tr.352
4		7/1124		Cầu mưa		<i>Toàn thư</i> , I, tr.293, <i>Việt sử lược</i> , tr.129
5		7/ 1126		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.294
		2/1127		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.295
6	Lý Thần Tông (1128-1138)	4/1128		Cầu mưa	Mưa	<i>Toàn thư</i> , I, tr.300, <i>Cương mục</i> , I, tr.364
7		2/1129		Cầu mưa		<i>Cương mục</i> , I, tr.366, <i>Toàn thư</i> , I, tr.302
8		6/1130		Cầu mưa		<i>Việt sử lược</i> , tr.134, <i>Toàn thư</i> I, tr.304
9		9/1130		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, Tr.304, <i>Cương mục</i> , I, Tr.367
10		5/1131		Cầu mưa	mưa	<i>Toàn thư</i> , I, tr.305, <i>Cương mục</i> , I, 368
11		9/1131		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.305
12		2/1134		Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.306
13		3/1137	Chùa Báo thiên	Cầu mưa	Mưa	<i>Toàn thư</i> , I, Tr.306, <i>Cương mục</i> , I, tr.372
14		T7/1138		Cầu mưa		<i>Toàn thư</i> , I, tr.310
15		Lý Anh Tông (1139-1175)	1140		Cầu mưa	
16	1143			Cầu mưa		<i>Toàn thư</i> , I, tr.315, <i>Cương mục</i> , I, Tr.378
17	4/ 1145			Cầu tạnh		<i>Toàn thư</i> , I, tr.315
18	4/1146			Cầu mưa	mưa	<i>Toàn thư</i> , I, tr.316, <i>Cương mục</i> , I, tr.380
19	1147			Cầu mưa		<i>Toàn thư</i> , I, tr.316
20	1148			Cầu mưa		<i>Việt sử lược</i> , tr.143
21	Lý Cao Tông (1176-1210)		5/1188	Pháp Vân, Báo Thiên	Cầu mưa	
22	Lê Thái Tông (1434-1442)	4/1434	Đông Kinh – Thăng Long	Cầu mưa		<i>Toàn thư</i> , II, tr.313

Qua ba bộ sử lớn là *Toàn thư*, *Việt sử lược*, *Cương mục*, chúng tôi đã thống kê được 22 lần cầu đảo liên quan đến Tứ Pháp. Cách ghi tương đối ngắn gọn. Lễ đảo vũ nhiều nhất vào thời Lý Thần Tông (1128-1138) với 9 lần cầu đảo, thậm chí vào những năm 1130, 1131 cầu đảo 1 năm đến 2 lần. Sau đó Thời Lý Anh Tông (1139 – 1175) với 6 lần cầu đảo. Do sự ghi chép vắn tắt của sử, một số kỳ cầu đảo không ghi rõ địa điểm. Tuy nhiên, một vài kỳ cầu cúng lại ghi rõ địa điểm diễn ra lễ cúng như tại hành cung Ứng Phong, chùa Pháp Vân, chùa Báo Thiên. Xét theo sự phát triển tôn giáo, thời Lý sùng chuộng đạo Phật nên chúng tôi xếp vào lễ cầu đảo liên quan đến Tứ pháp. Như vậy tổng số thời Lý và thời Lê là 22 lần đảo vũ (cầu mưa). Trong đó, nhà Lý là 21 lần chiếm 95%. Đời Lê tổ chức 1 lần chiếm 0,5%. Đời Lê càng về sau việc cầu đảo không còn đơn thuần chỉ là cầu Phật mà còn cầu thần ở các đền, miếu hoặc không rõ thờ thần nào dẫn đến khó xác định đây có phải ghi chép về tục cầu đảo liên quan đến Tứ pháp hay không. Những ghi chép về cầu đảo Tứ pháp chủ yếu trong *Toàn thư* là 18 lần, và *Cương mục* 11 lần, *Việt sử lược* 3 lần. Trong đó, lễ đảo vũ (cầu mưa) vào năm 1073, tháng 5 năm 1118, tháng 7 năm 1124, tháng 4 năm 1128, tháng 2 năm 1129, tháng 6 năm 1130, tháng 9 năm 1130, tháng 5 năm 1131, tháng 3 năm 1137, năm 1143, tháng 4 năm 1146 đều được cả 2 bộ sử *Toàn thư* và *Cương mục* ghi chép. Lễ đảo vũ vào tháng 7 năm 1124 đã được ghi chép lại trong 2 bộ sử là *Toàn thư* và *Việt Sử lược*. Lễ cầu đảo chủ yếu cầu mưa 15 lần chiếm 65%, cầu tạnh 7 lần chiếm 35%. Cách viết về nghi lễ cầu đảo nói chung và nghi lễ đảo vũ (cầu mưa) nói riêng khá ngắn gọn. Phần lớn chỉ nêu thời gian, lý do cầu đảo. Ví dụ đời nhà Lý, tháng 6 năm 1130 chỉ ghi: “tháng 6 hạn làm lễ cầu mưa” ; tháng 9 năm 1130 chép: “mùa thu tháng 9 mưa dầm làm lễ cầu tạnh”, tháng 5 năm 1131 chép: “tháng 5, hạn, cầu đảo được mưa to”... Lễ đảo vũ (cầu mưa) chủ yếu do chính nhà vua hoặc triều đình tổ chức lễ cúng. Điều đó chứng tỏ lễ đảo vũ Tứ Pháp trở thành một nghi lễ quốc gia, được tổ chức một cách chính thức và được cả nhân dân đón nhận. Do tài liệu còn chưa đầy đủ và cách viết vắn tắt trong sách sử nên chúng tôi mới chỉ xem xét được các lĩnh vực thời gian, địa điểm, cách thức, hiệu quả của việc đảo vũ.

### 2.2.1. Thời gian, địa điểm thực hiện việc cầu đảo

**Về thời gian:** qua bảng thống kê ta thấy việc cầu đảo được thực hiện do sự biến đổi thái quá của thời tiết lúc thì nắng nhiều dẫn đến hạn hán, lúc lại mưa dầm dẫn đến lụt lội, hoặc mưa gió trái thời. Nhà Lý tới 7 lần cầu tạnh vào các năm: 1073, 1126, 1127, 1130, 1131, 1134, 1145 và 14 lần cầu mưa vào các năm: 1117, 1118, 1124, 1128, 1129, 1130, 1131, 1137, 1138, 1140, 1143, 1147, 1148 và 1188. Nhà Lê 1 lần cầu tạnh vào năm 1434. Như vậy ta thấy chủ yếu là lễ cầu mưa do trời hạn hán. Và nghi lễ này được nhà Lý thực hiện thường xuyên. Thậm chí có năm 2 lần như các năm 1130, 1131. Các tháng cầu mưa là tháng 2 (1 lần), tháng 3 (1 lần), tháng 4 (3 lần), tháng 5 (3 lần), tháng 6 (2 lần), tháng 7 (2 lần). Các tháng cầu tạnh tháng 2 (2 lần), tháng 4 (1 lần), tháng 7 (1 lần), tháng 9 (2 lần). Như vậy lễ cầu mưa thường diễn ra vào mùa hè, lễ cầu tạnh thường diễn ra vào mùa thu. Mùa hè cũng là mùa gieo trồng, cây trái phát triển cần phải có nước. Mùa thu là mùa gặt hái, cần phải tạnh ráo. Sự cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) thường diễn ra từ tháng 1 đến tháng 9. Tuy nhiên, mùa hè vẫn có kỳ cầu tạnh, mùa thu vẫn có kỳ cầu mưa. Điều đó cho thấy thời tiết luôn có sự bất thường trên quy luật bình thường. Sang đến tháng 10, tháng 11, tháng 12 không thấy có ghi chép gì về sự cầu đảo. Có lẽ 3 tháng này vào mùa khô không thích hợp để trồng lúa nước nên người dân chuyển sang các cây trồng khác như ngô, khoai. Như vậy lễ cầu tạnh, cầu mưa diễn ra thường xuyên. Điều đó cho thấy tín ngưỡng cầu đảo Tứ Pháp khá phát triển trong giai đoạn này.

**Về địa điểm:** theo như bản thống kê trên, dựa vào những lần cầu đảo ghi rõ địa điểm thì nghi lễ cầu đảo thời Lý thực hiện ở chùa Báo Thiên (Nay thuộc khu phố Nhà Chung, Hoàn Kiếm, Hà Nội.), chùa Pháp Vân (còn gọi là chùa Dâu nằm ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), hành cung Ứng Phong<sup>2</sup> (nay là Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Định). Trong đó nhiều nhất là chùa Báo Thiên. Sách *Cương mục* chưa thêm về chùa Báo Thiên như sau: “chùa Báo Thiên tức chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên. Chùa này mới làm từ đời Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thứ 3 (1056)<sup>3</sup>. Ngôi chùa này, vua Lý đã rước tượng Pháp Vân về để cầu đảo (cầu mưa).

<sup>2</sup> Hành cung Ứng phong là nơi vua Lý chọn làm nơi nghỉ ngơi tạm thời, tổ chức các hoạt động như cày ruộng, tịch điền và xem công việc nông nghiệp của dân chúng

<sup>3</sup> Nay thuộc khu phố Nhà Chung, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Sách *Cương mục*, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, tập I, tr. 423 có viết: tháng 5 năm Mậu Thân (1118), xảy ra hạn hán, vua Lý đã đến chùa Pháp Vân tự thân làm lễ cầu mưa (cầu mưa) đồng thời “rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về chùa Báo Thiên để cầu đảo”. Trong sách *Lịch triều tạp ký* trang 72 có ghi chép về việc này như sau: “Tháng 5, đại hạn vua thân ngự đến chùa Pháp Vân ở Duệnh Bà để cầu mưa, nhân rước tượng Pháp Vân về chùa Báo Thiên”<sup>4</sup>. Các sử quan triều Lê lại chưa thêm rằng: “triều Lê khi mới dựng nước còn theo tục này”. Về chùa Pháp Vân, Theo chú thích số 3 trang 149 của Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Bản Kỷ - Quyển IV thì: “Chùa Pháp Vân: tức chùa Dâu, ở xã Thanh Khương, tỉnh Hà Bắc. Đào Duy Anh chú bản dịch cũ đoán Duệnh Bà là chép nhầm từ chữ Luy Lâu. Nhưng Duệnh Bà cũng có thể là tên Nôm thời bấy giờ của vùng này. (Duệnh chỉ sông Dâu, Bà chỉ Bà Dâu, nữ thần thờ ở chùa Dâu)”.

### 2.2.2. Cách thức và hiệu quả của cầu đảo Tứ pháp

**Về cách thức:** Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, từ thời Lý đã ghi lại những biện pháp khắc phục hạn hán: năm Thần Vũ thứ 2 (1070) thời Lý Thái Tông, khi mùa hè trời đại hạn, triều đình mới chỉ “phát thóc và tiền lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo”<sup>5</sup>, thời Lý Nhân Tông năm 1095, đại hạn vào tháng 6, nhà vua thực hiện “thả tù, giảm hoặc tha cho dân tiền tang thuế”<sup>6,7</sup>. Nhưng phải đến năm 1118, trời đại hạn, mới bắt đầu thấy sử ghi vua Lý Nhân Tông cho cầu đảo và “được mưa”. Đời Lý Nhân Tông vào năm 1117 có ghi “Tháng 6, Vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng. Khi ấy không mưa, đảo vũ ở hành cung”<sup>8</sup>. Hai công việc liền nhau và tiến hành ngay tại hành cung Ứng Phong. Người chủ tế là vua thường phải trai giới, tránh sát sinh trong vài ngày. Ăn chay, trai giới để tỏ lòng thành kính với thần linh, trời đất, sau đó mới thực hiện các nghi lễ cầu đảo. Trai giới không chỉ ăn chay mà còn phải tu sửa bản thân, kiểm điểm bản thân cá nhân của nhà vua. Các vị vua tin rằng, việc trai giới, giữ bản thân trong sạch có tác dụng cảm ứng động lòng trời, vì thế việc cầu cúng mới hiệu quả. Việc này được ghi chép đầu tiên vào thời Lý (1009-1225) do hạn hán khá nhiều. Tình hình hạn hán kéo dài liên tục vào những năm 1124, 1125, 1126 và 1128. Trước tình hình hạn hán thường xuyên như vậy, năm Mậu Thân (1128) vua Lý Thái Tông đã “tra giới ăn chay và cầu đảo được mưa”. Đây là những ghi chép đầu tiên về việc vua đích thân cầu đảo mưa. Tháng 2 năm 1229 trời lại hạn hán vua Lý Thần Tông tiếp tục trai giới cầu mưa. Về sự kiện này, sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* có chép: “tháng 2. Không mưa. Ân xá. Nhà vua trai giới để cầu đảo; hạ chiếu tha những người có tội trong nước”<sup>9</sup>. Sách *Cương mục* lại trích dẫn sách *Danh tiết lục* của Trần Ký Đàng chép rằng: “từ tháng 2 năm ấy đến mãi tháng 3 không mưa, nhà vua thân đi đảo vũ, không linh ứng, nhân bảo các quan hầu: “trẫm là người ít đức, can phạm đến trời, làm mất hòa khí. Mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn, trẫm thấy lo quá, các khanh nên nghĩ xem trẫm có điều gì lầm lỗi thì bổ cứu lại cho”. Viên Ngoại lang là Trần Ngọc Khánh tiến lên nói rằng: “Ba tháng xuân là mùa xuân sinh nở muôn vật, trời không mưa xuống thì sự sinh sống của các loài sao cho được thỏa thuê? Hoặc giả hình ngục có sự oan uổng không đúng, hại đến khí hòa? Kinh thư có câu: “tiếm hằng dương nhược”, nghĩa là chính lệnh của nhà vua mà sai lệch vì quá nghiêm khắc, thì điềm dữ sẽ phản ứng lại là nắng nhiều. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại”<sup>10</sup>. Nhà vua cho là phải, xuống chiếu tha các tội nhân trong nước. Tháng 4, mưa”.

#### Về hiệu quả của việc cầu đảo

Phần lớn khi cầu đảo đều linh nghiệm. Trong bảng trên ta thấy tháng 5 năm 1118, tháng 4 năm 1128, tháng 3 năm 1137, tháng 4 năm 1146 được mưa. Ghi chép về hiệu quả đảo vũ (cầu mưa) khá ngắn gọn. Ví dụ năm 1137, vào tháng 3 không mưa, Vua Lý Thần Tông đến cầu đảo ở chùa Báo Thiên, tức chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên trong Kinh thành, *Cương mục* viết: “tối ấy trời

<sup>4</sup> Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp kí*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tr.72

<sup>5</sup> Toàn thư, I, tr.275

<sup>6</sup> Tang thuế: Chưa rõ nội dung danh từ này. Theo nghĩa chữ có thể hiểu thuế và tang. Tang có nghĩa là bản thuế, bi ỏi, có thể dùng để chỉ các khoản thu thuế bất chính (theo chú giải trong sách ĐVSKTT, I, tr.275)

<sup>7</sup> Toàn thư, I, tr.283

<sup>8</sup> Toàn thư, I, tr.288

<sup>9</sup> Cương mục, I, trang 366

<sup>10</sup> Xem chú thích 9

mưa”<sup>11</sup> để nói về sự linh nghiệm của nghi lễ cầu đảo của nhà vua. Sách *Toàn thư* viết nhà vua đến chùa này làm lễ Phật Pháp Vân và “đêm ấy trời mưa to”. Sự cầu đảo linh nghiệm cũng tác động vào tâm lý an dân lúc bấy giờ, giúp về mặt chính trị rất nhiều cho nhà nước quân chủ.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cầu đảo cũng hiệu quả. Đôi khi cầu đảo rồi mà vẫn không linh nghiệm. Lúc ấy các vua chúa thường tự xem xét lại bản thân mình. Các vị vua đều cho rằng thời tiết mưa thuận gió hòa là do trời ban phước. Khi xảy ra thiên tai, mất mùa thì họ cho rằng mình đức nhân chưa đủ hay chính sách hà khắc nên bị trời trừng phạt. Lúc ấy nhà vua vừa trách mình đồng thời cũng thực hiện những biện pháp mang tính nhân đạo như thả tù, giảm tô thuế...

Ngoài tư liệu liên quan đến Tứ Pháp như chính sử nói trên, chúng tôi còn khảo sát kho sách tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và các nơi thờ tự Tứ Pháp đã thu thập được một lượng tư liệu tương đối lớn. Chúng tôi tạm chia ra làm 5 nhóm tài liệu: nhóm thứ nhất là tài liệu thần tích. Nhóm này có khoảng 19 văn bản Thần tích liên quan đến Tứ Pháp, trong đó Hưng Yên có 13 văn bản, Hà Nam 4 văn bản, Bắc Ninh 1 văn bản và Hà Đông 1 văn bản; nhóm thứ 2 là tài liệu thần sắc bao gồm 4 văn bản Thần sắc liên quan đến Tứ Pháp gồm các tỉnh Hà đông, Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh; thứ 3 là nhóm tài liệu địa chí gồm 19 văn bản bao gồm quốc chí, tỉnh chí, huyện chí, xã chí. Nhóm thứ 4 là bi kí. Hiện nay có đến 53 thạc bản văn bia liên quan đến các nơi thờ Tứ Pháp trong đó 17 văn bia ghi việc trùng tu chùa, các bia khác ghi lại việc bầu hậu Phật; Nhóm tài liệu thứ 5 là gồm 17 văn bản chữ Nôm và các tích truyện chữ Hán. Nhóm này chủ yếu kể về truyện Man Nương. Đây những những tác phẩm văn học được xây dựng từ truyền khẩu về Man Nương còn gọi là sự tích Tứ Pháp. Nhóm này có văn bản *Cổ Châu Phật bản hạnh ngữ lục* (Cổ Châu lục) khắc trên ván gỗ hai thứ chữ: Hán - Nôm, còn lưu trữ tại chùa Dâu đến nay là nguồn tư liệu gốc có giá trị về lai lịch cũng như những sự linh ứng của Tứ Pháp trong suốt hàng nghìn năm lịch sử từ thời Bắc thuộc cho đến thời Lê Sơ.

### 3. KẾT LUẬN

Cầu đảo (cầu mưa, cầu tịnh) Tứ pháp là một nghi lễ mang tính tâm linh an dân trong quá trình trị nước của các triều đại quân chủ. Cơ sở của việc thực hiện nghi lễ cầu đảo là xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, từ mô hình tiểu nông, phụ quyền. Bên cạnh đó là sự du nhập của Phật giáo mang theo tư tưởng từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, là tư tưởng thiên nhân hợp nhất của Đạo giáo. Tất cả đã kết hợp lại thành một văn hóa mang tính chất riêng của người Việt, là cách thức mang lại an dân cho nhà nước quân chủ. Ngày nay việc thờ Tứ Pháp được trải dài khắp các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ: Bắc Ninh 5 di tích, Hà Nội 5 di tích, Hưng Yên 21 di tích, Hà Nam 4 di tích, Bắc Giang 2 di tích có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tâm linh của người dân. Các di tích này hàng năm thường tổ chức lễ hội. Lễ hội chủ yếu là cầu mưa, cầu tịnh với các hình thức như rước nước, đánh Trống, cầu mặt trời cùng với việc diễn lại một số tiết mục tế lễ, sự tích các vị thần nông nghiệp gắn liền với Tín ngưỡng Tứ Pháp. Việc tìm hiểu lễ cầu đảo thông qua các bộ sử góp phần khẳng định tục thờ Tứ Pháp, văn hóa phi vật thể trong các lễ hội này là có cơ sở, bề dày lịch sử góp phần vào việc công nhận xếp loại các di tích liên quan đến tín ngưỡng Tứ Pháp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), tập I, tập II, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
2. Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp ký*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Hà (2011), “Trí tuệ Nho giáo với cuộc sống con người thời hiện đại” (quan niệm “thiên nhân hợp nhất” của Nho giáo và vấn đề bảo vệ môi trường), *Thông báo Hán Nôm học năm 2011*.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng (2011) biên dịch và chú giải, Nxb. Văn sử địa, Hà Nội
6. Mai Thị Huyền, Trần Thị Nhung (2022), “Việc cầu đảo của các vương triều quân chủ Việt Nam (thế kỷ thứ XI- XVIII)”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số tháng 11 năm 2022.

## THE FOUR DHARMAS AND THE TRADITION OF INVOCATION AMONG AGRICULTURAL COMMUNITIES

**Abstract:** *The rites of invocation (for rain and drought relief) dedicated to the Four Dharmas were spiritual ceremonies aimed at pacifying the populace under the rule of monarchical dynasties. The foundation of these rites originates from wet-rice agriculture, the patriarchal smallholder society, the influence of Buddhism, and the Daoist philosophy of the unity of heaven and man. Major historical records, such as The Complete Annals of Đại Việt (Đại Việt sử ký toàn thư) and The Imperially Ordered Annotated Mirror of Vietnamese History (Khâm định Việt sử thông giám cương mục), clearly document that the Lý and Lê dynasties once brought the statue of Pháp Vân to the capital for invocation ceremonies. Based on these records, we conducted surveys and compiled statistics on these invocation events to analyze their timing, locations, methods, and effectiveness..*

**Keywords:** *Dharma Cloud, Bao Thien Pagoda, Man Nuong, Rain-seeking ritual, The Four Dharma Deities.*